

ĐỐI CHIẾU BÌNH DIỆN ĐÁNH GIÁ THAM THOẠI TRONG CÁC NHẬN ĐỊNH EURO 2020 BẰNG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

Phạm Thị Mai Duyên*

Trường Đại học Cần Thơ

Nhận bài: 07/06/2021; Hoàn thành phản biện: 26/07/2021; Duyệt đăng: 31/08/2021

Tóm tắt: Với mục tiêu nghiên cứu những tương đồng và dị biệt trong việc sử dụng nguồn tham thoại (Engagement) trong nhận định bóng đá bằng tiếng Việt (TV) và tiếng Anh (TA), bài nghiên cứu đã vận dụng lý thuyết nguồn tham thoại trong khung Lý thuyết thẩm định (Appraisal Theory) của Martin và White (2005) để đối chiếu 36 bài nhận định EURO 2020 bằng TV và 36 bài bằng TA. Kết quả nghiên cứu cho thấy tần suất các câu đa nguồn cao hơn các câu đơn nguồn. Kết quả này cho thấy các tác giả của bài nhận định bằng TV và TA có sự giao tiếp cao với độc giả. Tuy nhiên, về ngôn ngữ đánh giá, để tạo cơ hội cho độc giả tự đánh giá thông tin, các tác giả nhận định bằng TV có sử dụng câu hỏi tu từ, trong khi các tác giả nhận định bằng TA thì không sử dụng loại câu hỏi này. Ngoài điểm tương đồng và dị biệt trên, giữa nhận định bằng TV và TA còn có những tương đồng và dị biệt khác cũng được đề cập trong bài viết này.

Từ khóa: Thuyết đánh giá, tham thoại, đơn nguồn, đa nguồn mở rộng/hạn định, nhận định bóng đá

1. Mở đầu

Việc vận dụng Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá (LTNNĐG) vào phân tích đặc điểm các bình diện đánh giá (BĐĐG) như Thái độ (TĐ) (attitude), Thang độ (ThĐ) (graduation), Tham thoại (TT) (engagement) trong các thể loại văn bản viết và nói khác nhau đã được thực hiện trong nhiều năm qua trên thế giới. Một số nghiên cứu liên quan đến việc vận dụng LTNNĐG ở nước ngoài gần đây có thể kể đến như *Keramati, Kuhl và Saeidi (2019)* với nghiên cứu về lập trường và độ tương tác của ba tạp chí hàng đầu về ngôn ngữ học được đăng từ năm 1996 đến năm 2016; *Ballesteros-Lintao (2018)* với nghiên cứu bình diện thái độ của các báo cáo truyền thông trong khoảng thời gian ba năm (từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 12 năm 2016) của Philippines và Trung Quốc về vấn đề tranh chấp Biển Đông; *Lam và Crosthwaite (2018)* với bài nghiên cứu đối chiếu 60 bài luận văn TA được lấy từ kho ngữ liệu bài viết TA là ngôn ngữ thứ 2 (L2) của Châu Á được viết bởi 2 nhóm tác giả (nhóm 1: nhóm tác giả sử dụng TA là tiếng mẹ đẻ (L1) và nhóm 2 là nhóm tác giả sử dụng TA là ngôn ngữ thứ 2 (L2))...

Ở trong nước, LTNNĐG cũng được vận dụng để phân tích đối chiếu các thể loại như báo chí, truyện ngắn, văn bản trường học, quảng cáo... bằng TV và TA. Trương Lê Bích Trang và Võ Nguyễn Thùy Trang (2020) có bài nghiên cứu về Phạm trù thang độ trong ngôn ngữ bình luận về xã hội trên báo chí TV và TA. Trần Văn Phước (2019) đã nghiên cứu về ngôn ngữ đánh giá tình cảm nhân vật trong một số truyện ngắn Việt Nam. Nguyễn Ngọc Bảo (2018) đã có luận văn thạc sĩ “Đối chiếu nguồn ngôn ngữ đánh giá tình cảm nhân vật chính trong truyện ngắn TA và TV”. Trần Văn Phước và cộng sự (2019) đã có đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở về việc vận

* Email: ptmduyen@ctu.edu.vn

dụng Lí thuyết đánh giá phân tích đặc điểm ngôn ngữ biểu hiện sự đánh giá trong 5 thể loại diễn ngôn trong nhà trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh...

Như vậy, có thể thấy LTNNĐG đã được vận dụng để nghiên cứu khá nhiều ở nước ngoài và Việt Nam. Tuy nhiên, việc so sánh đối chiếu các nguồn tham thoại giữa các văn bản bằng TV và TA vẫn chưa được nghiên cứu phổ biến. Nguyễn Thị Thu Hiền (2017) đã nghiên cứu về nguồn tham thoại, nhưng mới chỉ dừng lại ở mức độ phân tích nguồn tham thoại của các bình luận báo chí TV dựa trên LTNNĐG của Martin và White (2005) mà chưa có sự đối chiếu các nguồn tham thoại của các văn bản bình luận bằng TV và TA. Vì vậy, bài nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích, đối chiếu các nguồn tham thoại bằng TV và TA, cụ thể là đối chiếu các nguồn tham thoại trong các nhận định EURO 2020 bằng TV và TA.

2. Cơ sở lý luận

Lí thuyết thẩm định (LTTĐ) của Martin và White bao gồm ba bình diện đánh giá: Thái độ (attitude), Phân tầng (graduation) và Tham thoại (engagement). Tuy nhiên, trong bài này với phạm vi nghiên cứu đối chiếu các nguồn tham thoại trong các nhận định EURO 2020 bằng TV và TA, chúng tôi chỉ sử dụng bình diện đánh giá tham thoại trong khung Lí thuyết thẩm định của Martin và White (2005). Dưới đây là lí thuyết về bình diện đánh giá tham thoại trong khung LTTĐ của Martin và White (2005).

2.1. Bình diện đánh giá tham thoại

Hệ thống tham thoại bao gồm đơn nguồn (monoglossic) và đa nguồn (heteroglossic).

2.1.1. Đơn nguồn

Martin và White (2005) định nghĩa **đơn nguồn** là một dạng diễn ngôn mang tính khách quan; được công nhận, không chấp nhận quan điểm, ý kiến khác, không có phát ngôn thay thế. Đơn nguồn cũng có thể được hiểu là một dạng diễn ngôn người viết trình bày về một thông tin, mà không kèm theo bất kì yếu tố đánh giá nào. Martin và White (2005, tr.100) cho ví dụ đơn nguồn “*The banks have been greedy*” (*Các ngân hàng thì tham lam*). Diễn ngôn “*The banks have been greedy*” được xem là đơn nguồn vì tác giả đã nêu ra một nhận định mà không kèm theo từ ngữ đánh giá nào.

2.1.2. Đa nguồn

Đa nguồn là diễn ngôn có chứa các tình thái như khẳng định hay phủ định, chắc chắn hay dự đoán, tin tưởng hay nghi ngờ, đồng nhất hay khác biệt, mở rộng hay hạn định... và các ngôn từ diễn đạt sự công nhận, thỏa hiệp. Sử dụng đa nguồn, người viết tạo điều kiện cho độc giả được tham gia đánh giá nội dung được trình bày bằng thái độ và quan điểm khác. Diễn ngôn “***In my views**, the banks have been greedy*” (***Theo quan điểm của tôi**, các ngân hàng thì tham lam*) được xem là một đa nguồn vì ngoài việc đưa thông tin, tác giả còn sử dụng cụm từ thể hiện quan điểm của mình “**In my view**”; và diễn ngôn này chỉ thể hiện quan điểm của tác giả nên người đọc có thể đánh giá thông tin này theo cách riêng của mình.

Đa nguồn được chia thành hai bình diện: Đa nguồn hạn định (contraction) và đa nguồn mở rộng (expansion).

2.1.2.1. Đa nguồn hạn định

Đa nguồn hạn định là diễn ngôn mà trong đó tác giả thể hiện đồng ý hay bất đồng về thông tin, sự việc mà tác giả đưa ra. Đa nguồn hạn định thể hiện sự tự đánh giá của chính bản thân tác giả về thông tin nhưng tác giả cũng mời gọi độc giả đánh giá thông tin, sự việc tuy nhiên chỉ ở mức độ hạn định. Đa nguồn hạn định được phân chia với các từ, ngữ và cấu trúc tình thái như sau:

(i) Bất đồng (BĐ) (disclaim)

(a) Phủ nhận (PN) (Deny)

+ *There is nothing wrong with ... (chẳng có gì sai với...), not the case (không phải là), ect*

+ *No, not, didn't, never, failed to (không), ect*

(b) Nhượng bộ (NB) (counter, counter expectancy, concession)

+ *Even though/although (mặc dù), however, yet (chưa), but (nhưng), even (ngay cả khi) ect*

+ *Surprisingly/amazingly (ngạc nhiên), ect*

(ii) Đồng ý (ĐY) (proclaim)

(a) Nhất trí (NT) (concur)

+ *Khẳng định (KĐ) (Affirm): naturally (tự nhiên), of course (dĩ nhiên), obviously (rõ ràng là), ect*

+ *Thừa nhận (TN) (Concede): admittedly (sớm muộn gì), sure (chắc chắn), ect*

(b) Tuyên bố (TB) (pronounce)

+ *I content ... (tôi cho rằng ...), ect*

+ *The facts of the matter are.../the truth of the matter is.../there can be no doubt... (thực tế là...)*

+ *Indeed (thật sự là), ect*

(c) Biện minh (BM) (endorse)

+ *X demonstrates/shows/proves that ... (X chỉ ra rằng ...), etc*

2.1.2.2. Đa nguồn mở rộng

Khác với đa nguồn hạn định, với **đa nguồn mở rộng**, tác giả sử dụng nguồn ngôn liệu đánh giá từ các nguồn khác và tạo cho độc giả nhiều cơ hội được tham gia đánh giá thông tin, sự việc. Đa nguồn mở rộng được phân chia với các từ, ngữ và cấu trúc tình thái như sau:

(i) Xem xét (entertain):

+ *May/might/could/must... (có lẽ/có thể/chắc chắn...), ect*

+ *Perhaps, probably, definitely, apparently... (có lẽ, hoàn toàn...), ect*

+ *It's possible that.../it is likely that ... (có lẽ...), ect*

+ *I suspect/I think/I believe/I doubt/I am convinced... (tôi cho rằng...), ect*

+ *It seems.../It appears (có vẻ là), ect*

+ *The research suggests that ... (nghiên cứu chỉ ra rằng), ect*

+ *Rhetorical question (câu hỏi tu từ)*

(ii) Chỉ định (attribute)

(a) Công nhận (CN) (Acknowledge)

+ *People say/report/state/declare/announce, believe, think, describe (người ta cho rằng...)*

+ *It is said that.../The reports states ... (Người ta/báo cáo cho rằng...), ect*

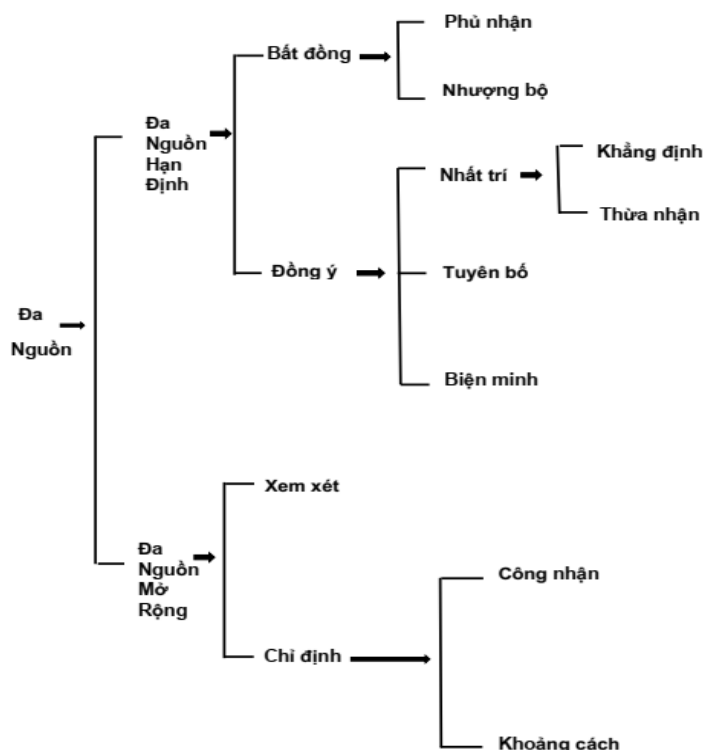
+ *Halliday argues that ... (Hallidays lập luận rằng...), many Australians believe that ... (nhiều người Úc tin rằng...)*

+ *According to ... (theo...)*

(b) Tạo khoảng cách (KC) (Distance)

+ *Demand* (yêu cầu), *claim* (đòi hỏi)

+ *Chomsky claimed to shown that ...* (*Chomsky đòi hỏi phải chứng minh ...*)



Hình 1: Sơ đồ đa nguồn

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tìm ra những tương đồng và dị biệt trong việc sử dụng nguồn tham thoại (Engagement) trong nhận định bóng đá EURO 2020 bằng tiếng Việt (TV) và tiếng Anh (TA).

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết về các nguồn tham thoại trong LTNNDG của Martin và White (2005) được đề cập trên phần cơ sở lý luận, bài nghiên cứu đã thống kê các nguồn tham thoại (đơn nguồn và đa nguồn). Sau đó, bài nghiên cứu vận dụng phương pháp so sánh để nhận diện và lý giải những tương đồng và dị biệt trong việc các tác giả sử dụng nguồn tham thoại trong các nhận định EURO 2020 bằng TV và TA.

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Ngữ liệu sử dụng để phân tích là 36 bài nhận định EURO 2020 bằng TV (được đăng trên <https://v9sport.com>) và 36 bài nhận định bằng TA (được đăng trên <https://footballpredictions.com>) của 36 trận đấu vòng bảng EURO 2020. Lý do chúng tôi chọn bài nhận định được đăng trên hai websites này là vì 2 websites này tương đối phổ biến; 2 websites đăng đầy đủ 36 bài nhận

định cho 36 trận đấu và các bài nhận định này có độ dài khoảng từ 500 đến 700 từ là tương đối phù hợp (không quá dài cũng không quá ngắn).

4.1.1. Phương pháp mã hóa dữ liệu

Đơn vị phân tích của bài nghiên cứu là 1125 câu TV và 678 câu TA trong khối ngữ liệu được mô tả ở trên và được mã hóa như sau:

- Ngữ liệu 1125 câu TV được mã hóa từ C1 đến Cn theo trật tự xuất hiện trong bài nhận định bằng TV và các bài nhận định bằng TV được mã hóa từ V1 đến V36. Như vậy C4V5 có nghĩa là câu thứ 4 trong văn bản nhận định bóng đá bằng TV thứ 5.

- Ngữ liệu 678 câu TA được mã hóa từ câu C1 đến Cn theo trật tự xuất hiện trong bài nhận định bằng TA và các bài nhận định bằng TA được mã hóa từ E1 cho đến E36. Như vậy C15E1 có nghĩa là câu thứ 15 trong văn bản nhận định bằng TA 1.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Kết quả nghiên cứu

Tần suất đơn nguồn và đa nguồn

Trong 1125 câu nhận định EURO 2020 bằng TV có 463 câu đơn nguồn chiếm 41%, và trong 678 câu nhận định EURO 2020 bằng TA có 260 câu đơn nguồn chiếm 38,3%. Những câu đơn nguồn trong 2 nhận định TV và TA là những câu mô tả về sự việc mà không có sự đánh giá của người viết. Người viết sử dụng câu đơn nguồn để đưa thông tin về cầu thủ, số bàn thắng đã ghi, vị trí đội bóng trong bảng... Dưới đây là một vài ví dụ về câu đơn nguồn trong 36 nhận định bằng TV và 36 nhận định bằng TA.

C9V1: *Tiền đạo Cenk Tosun với 459 phút thi đấu, ra sân 6 lần ghi tổng số 5 bàn thắng sau lượt trận vòng loại.* **C2V2:** *Wales giành được vị trí thứ 2 bảng C với 14 điểm.*

C17E2: *Gareth Bale is a Welsh footballer who plays for Real Madrid as a winger.* **C6E4:** *Romelu Lukaku Bolingoli, born on 13th of Many 1993, is a Belgian player with roots from Congo.*

Với lần lượt 41% và 38,3% câu đơn nguồn trong nhận định TV và TA, chúng ta có thể thấy ở cả hai nhận định số câu đơn nguồn được sử dụng ít hơn đa nguồn. Các đơn nguồn giúp người viết truyền tải thông tin sự thật về sự việc mà không kèm theo yếu tố đánh giá nào của người viết, trong khi các đa nguồn tạo cơ hội cho độc giả được bày tỏ quan điểm, tự đánh giá thông tin. Như vậy, với khoảng 60% các câu đa nguồn, các tác giả của nhận định EURO 2020 bằng TV và TA đều tương tác cao với độc giả và cho phép độc giả có cơ hội tự bày tỏ quan điểm riêng cũng như tự đánh giá thông tin, sự việc.

Tần suất đa nguồn hạn định và đa nguồn mở rộng

Dưới đây là bảng thống kê số lượng và tỉ lệ các loại câu đa nguồn trong 2 nhận định EURO 2020 bằng TV và TA:

	Tổng số câu	Đa nguồn hạn định						Đa nguồn mở rộng			
		Số câu (%)	Bất đồng		Đồng ý			Số câu (%)	Xem xét	Gán cho	
			Phủ nhận	Nhượng bộ	Nhất trí	Tuyên bố	Biện minh			Công nhận	Khoảng cách
T V	662	357 (54%)	158 (23,9%)	187 (28%)	6 (0,9%)	1 (0,15%)	5 (0,75%)	305 (46%)	267 (40%)	30 (4,5%)	8 (1,2%)
			345 (52%)		12 (2%)				267 (40 %)	38 (6%)	
T A	418	201 (48%)	66 (15,8%)	114 (27,3%)	7 (1,7%)	6 (1,4%)	8 (1,9%)	217 (52%)	131 (31%)	64 (15%)	22 (5,3%)
			180 (43%)		21 (5%)				131 (31%)	86 (21%)	

*Lưu ý: Số phần trăm (%) đã được làm tròn

Tác giả ở 2 nhận định TV và TA đã sử dụng đa nguồn hạn định để tự bày tỏ quan điểm của bản thân qua việc bất đồng (phủ nhận, nhượng bộ) hay đồng ý (nhất trí, tuyên bố, biện minh) với các từ, ngữ và cấu trúc biểu cảm như *không ... (BĐ-PN), nhưng/mặc dù/chưa/ngay cả khi ... (BĐ-NB), rõ ràng/dĩ nhiên/tự nhiên ... (ĐY-NT-KĐ), chắc chắn/sớm muộn gì ... (ĐY-NT-TN), một mình chứng rõ ràng/tôi cho rằng/thật sự là ... (ĐY-TB), cho thấy ... (ĐY-BM)* trong TV; và *not/never ... (BĐ-PN), but/however/yet ... (BĐ-NB), obviously/of course ... (ĐY-NT-KĐ), surely/admittedly ... (ĐY-NT-TN), no doubt/indeed ... (ĐY-TB), prove/show (ĐY-BM)* trong TA.

Ngoài việc sử dụng đa nguồn hạn định để bày tỏ quan điểm cá nhân, ở cả 2 nhận định, các tác giả cũng đánh giá sự việc dựa trên các nguồn thông tin khác qua việc sử dụng đa nguồn mở rộng xem xét, mở rộng gán cho – công nhận và mở rộng gán cho – khoảng cách với các từ, ngữ và cấu trúc tình thái như *(rất) có thể/có vẻ là... (MRXX), theo/người ta cho rằng... (MRGC-CN), cần/yêu cầu/đòi hỏi... (MRGC-KC)* trong TV, và *to be likely to/it is possible/it seems/it appears... (MRXX), believe/think/state (MRGC-CN), should/demand/claim (MRGC-KC)* trong TA.

Dưới đây là một số ví dụ về đa nguồn hạn định và đa nguồn mở rộng trong các nhận định EURO 2020 TV và TA.

ĐNHĐ	Nhận định EURO 2020 bằng TV	Nhận định EURO 2020 bằng TA
BĐ-PN	C18V4: Hai kỳ Euro gần đây họ không vượt qua được vòng loại.	C9E4: Lukaku was never able to get a sport in the starting eleven of Chelsea.
BĐ-NB	C32V6: Nhưng bù lại, họ có lối chơi thông minh và tinh thần tập thể rất cao.	C9E15: Insigne is a product of Olimpia Sant' Arpino football school, but he joined the Partenopei at the age of 15.
ĐY-NT-KĐ	C4V17: Rõ ràng Đan Mạch đang lớn mạnh và hoàn thiện phong độ của mình.	C19E6: Goran Pandev is obviously the team's most notable player.
ĐY-NT-TN	C22V4: Tổng kết vòng loại với 24 điểm, Nga nhanh chóng vươn lên giành vị trí nhì bảng và chắc chắn bước vào vòng chung kết.	C6E2: Bosnian tactician Vladimir Petkovic is doing a good job with Switzerland, who are surely capable of matching Wales in Baku.
TB	C11V6: Trận gặp Latvia là một minh chứng rõ ràng nhất cho sự thi đấu thiếu ổn định của áo.	C10E8: Jon McLaughlin was producing scintillating displays for Burton in the 2015/2016 League One Campaign and, no doubt , he helped the team secure promotion to the Championship.
BM	C2V15: Hiệu suất ghi bàn +25 ở vòng loại cho thấy sự hiệu quả của lối đá "xe bus"	C9E14: ... That proved a very good investment as Calhanoglu continued the rich vein of form,

	<i>thủ thành đặc trưng khi Italy chỉ để thùng lưới 3 bàn.</i>	<i>and it is now a matter of time before he joins one of European powerhouses.</i>
ĐNMR	Nhận định EURO bằng TV	Nhận định bóng EURO bằng TA
XX	C33V6: <u>Rất có thể</u> đây sẽ là một đội bóng tạo được bất ngờ cho mùa hè năm nay.	C4E31: Zlatko Dalic's troops face a must-win situation in their last group game, and they <u>are likely to go</u> all guns blazing at the Scots.
GC-CN	C17V6: <u>Theo</u> những gì họ đã thể hiện ở vòng loại thì Áo rất khó có thể tiến xa.	C4E8: The two teams seem to be evenly matched at the moment, and taking everying into account, <u>we believe</u> that there is a big value in betting on draw.
GC-KC	C31V20: Trong trận gặp gỡ tới đây, đội tuyển Croatia <u>cần</u> hết sức cần trọng với đối thủ ẩn chứa đầy bất ngờ này.	C7E15: The Rosocrociati head coach Vladimir Petkovic <u>should have</u> a full squad to choose for the Italy clash.

Bảng số liệu thống kê cho thấy phần trăm câu đa nguồn hạn định và đa nguồn mở rộng lần lượt là 54% và 46% trong các nhận định bằng TV; 48% và 52% trong các nhận định bằng TA. Với số lượng các câu đa nguồn hạn định và đa nguồn mở rộng tương đối bằng nhau (khoảng 50%) chúng ta có thể kết luận ở cả hai nhận định bằng TV và TA, các tác giả tự bày tỏ quan điểm của bản thân đồng thời tác giả cũng đánh giá các sự việc dựa trên các nguồn thông tin khác.

Một điểm tương đồng nữa giữa các nhận định EURO 2020 bằng TV và TA là trong đa nguồn hạn định các tác giả sử dụng đa nguồn hạn định bất đồng (ĐNHĐBĐ) nhiều hơn rất nhiều so với đa nguồn hạn định đồng ý (ĐNHĐĐY) (52% ĐNHĐBĐ và 2% ĐNHĐĐY đối với văn bản TV; và 41% ĐNHĐBĐ và 5% ĐNHĐĐY đối với văn bản TA). Thật vậy, tác giả nhận định TV đã sử dụng 345 câu ĐNHĐBĐ trên tổng 357 câu ĐNHĐ với các từ, ngữ và cấu trúc biểu cảm như *không, tuy nhiên, mặc dù, ngay cả khi, chưa....* Ở nhận định TA, tác giả sử dụng 180 câu ĐNHĐBĐ trong tổng số 201 câu ĐNHĐ với các từ, ngữ và cấu trúc biểu cảm như *no, never, didn't, failed to, even though, although, even, yet, however...* Bằng cách sử dụng ĐNHĐBĐ, các tác giả nhận định TV và TA đã thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc và phản bác những ý kiến, nhận định được tác giả đề cập trong câu.

Cũng từ số liệu thống kê, một kết luận khác đó là các tác giả ở cả hai nhận định EURO bằng TV và TA đều sử dụng nguồn mở rộng xem xét nhiều hơn nguồn mở rộng gán cho (40% và 6% đối với nhận định bằng TV; và 31% và 21% đối với nhận định bằng TA). Để diễn đạt thông tin, sự việc không chắc chắn các tác giả TV và TA đã sử dụng những từ, ngữ và cấu trúc như *có lẽ, có thể, có vẻ... và câu hỏi tu từ* trong TV; và những từ, ngữ và cấu trúc như *perhaps, possible, it seems, it appears, I think, I believe...* trong TA. Bằng cách sử dụng ĐNMRXX nhiều hơn ĐNMRGC, tác giả cho độc giả thấy sự không chắc chắn của mình đối với thông tin được đưa ra và vì thế độc giả có thể đánh giá theo cách của mình. Tuy tác giả ở cả 2 nhận định sử dụng ĐNMRXX nhiều hơn ĐNMRGC, nhưng tác giả các nhận định EURO 2020 bằng TA sử dụng nhiều ĐNMRGC hơn so với các tác giả nhận định EURO 2020 bằng TV (số phần trăm lần lượt là 21% cho văn bản TA và 6% cho văn bản TV). Điều này cho thấy, khi đưa thông tin các tác giả nhận định TA dựa vào nhiều nguồn thông tin hơn các tác giả TV.

Ngôn ngữ biểu hiện đánh giá

Tần suất những từ, ngữ, cấu trúc tình thái hữu chứng (evidentiality), tình thái nhận thức (epistemic modality), chêm xen (hedging), nhượng bộ (concessive), giả định (presumption) và

cường độ (intensifier) trong cả hai nhận định bằng TV và TA là đương tương như nhau. Dưới đây là các từ, ngữ và cấu trúc tình thái thường được sử dụng trong 2 nhận định TV và TA:

- **Về cấu trúc tình thái hữu chứng và tình thái nhận thức:** Tác giả sử dụng từ, ngữ cấu trúc *dường như, có thể, sẽ là, có vẻ như, có lẽ* trong TV; và những trạng từ như *reportedly/obviously* (rõ ràng rành), *perhaps/possibly/probably* (có lẽ), *modal verbs - might/may/must...* (động từ khiếm khuyết...); cấu trúc *it is said/stated that ...* (người ta nói rằng ...), *it seems to me that ...* (có vẻ như), *it appears/turns out that ...* (dường như) trong TA.

- **Về cấu trúc chiêm xen:** Ở cả 2 loại nhận định, các tác giả sử dụng từ, ngữ và cấu trúc *thể hiện khả năng sự việc có thể xảy ra*, đưa ra những bằng chứng và cho thấy có sự so sánh giữa các thông tin và sự việc.

- **Về cấu trúc nhượng bộ:** Các tác giả sử dụng *tuy...nhưng/mặc dù... nhưng vẫn* trong TV; và *yet/but/however* trong TA.

- **Về cấu trúc giả định:** Tác giả sử dụng từ, ngữ và cấu trúc như *tôi cho rằng/người ta luôn xem... như là...* trong TV; và động từ *believe* (tin tưởng), cấu trúc *it can be noted/regarded that...* (nên chú ý rằng ...) trong TA

- **Về cấu trúc cường độ:** Các tác giả thường sử dụng những từ, ngữ và cấu trúc như *thật vậy/quả thật...* trong TV; và *really/indeed...* trong TA.

Tuy nhiên, các tác giả nhận định EURO 2020 bằng TA không sử dụng câu hỏi tu từ như là đa nguồn mở rộng xem xét, còn các tác giả nhận định TV có sử dụng loại câu hỏi này. Trong 36 nhận định EURO 2020 bằng TV có 6 câu hỏi tu từ được sử dụng như là ĐNMRXX. Dưới đây là ví dụ các câu hỏi tu từ trong các nhận định TV:

C13V3: *Liệu tiền vệ Glen Kamara này cùng các đồng đội có thể giúp Phần Lan thoát khỏi thân phận “lót đường”?*

C34V18: *Liệu HLV Franco Foda cùng các học trò có thể tạo nên một cái kết đẹp cho lần “về hưu” này?*

Ngoài ra, cả nhận định EURO bằng TV và TA đều có những câu kết hợp nhiều loại tình thái. Tuy nhiên, nếu so sánh số lượng câu TV và TA thì số câu kết hợp nhiều tình thái đánh giá trong TV nhiều hơn số câu trong TA. Cụ thể có 463/1125 câu trong nhận định TV và 123/678 câu trong nhận định TA kết hợp nhiều phương tiện ngôn ngữ đánh giá. Mặc dù số lượng câu kết hợp nhiều phương tiện đánh giá trong TV nhiều hơn trong TA, nhưng cách thức các tác giả kết hợp các loại hình thái trong câu ở cả 2 nhận định Việt - Anh là giống nhau. Đa phần các tác giả TV và TA kết hợp các loại tình thái đánh giá như sau:

- Đa nguồn hạn định bất đồng phủ định (ĐNHĐ BDPĐ) và đa nguồn hạn định bất đồng nhượng bộ (ĐNHĐ BĐNB) (**nhưng... không** - ví dụ C17V7: **Nhưng** họ nên rút kinh nghiệm từ vòng loại, luôn tập trung tinh thần, **không** được phép chủ quan thì “hoa Tulip” mới có cơ hội bung nở ở đấu trường Euro năm nay; **failed... but** - ví dụ C2E6: The Australians **failed** to turn their dominance into victory in a goalless draw with Slovakia, **but** they are capable of beating North Macedonia in Bucharest.

- ĐNHD BDPN và ĐNMR (*không... rất có thể* - ví dụ C12V29: Phong độ thi đấu không ổn định trong thời gian gần đây rất có thể sẽ khiến Nga phải “xách va li” về nước sớm; *does not... should* - ví dụ C6E5: As key player Luka Modric does not seem to be at his sharpest at them moment, home win should be considered)

- ĐNHD BĐNB và ĐNMR (*nhưng... cũng nên* - ví dụ C14V28: Nhưng trước khả năng tạo đột phá của Bắc Macedonia, các đội bóng khác cũng nên đề chừng; *on the other hand ... will* - ví dụ C3E8: The Czechs, on the other hand, will rely on West Ham and Tomas Soucek in the opening match of their Euro 2020 Campaign.

5.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu - *Cả hai nhận định EURO 2020 bằng TA và TV có tần suất đa nguồn cao hơn đơn nguồn* (số câu đa nguồn trong TV và TA lần lượt là 59% và 61,7%) - trong nghiên cứu này đã tương phản lại với kết quả nghiên cứu của Võ (2011) về nguồn tham thoại trong bản tin kinh tế TV và TA. Tác giả đã vận dụng Lí thuyết thẩm định của Martin and While (2005) để phân tích, đối chiếu 50 bản tin kinh tế (25 bản tin TV và 25 bản tin TA). Nghiên cứu của Võ (2011) đã chỉ ra các bản tin TV có xu hướng sử dụng đơn nguồn hơn đa nguồn, còn bản tin TA lại có xu hướng giao tiếp với độc giả nhiều hơn bởi các yếu tố đa nguồn nhằm gắn thông tin với các nguồn bên ngoài.

Tuy kết quả nghiên cứu số câu đa nguồn được sử dụng nhiều hơn số câu đơn nguồn ở cả 2 nhận định TV và TA trong nghiên cứu này tương phản với nghiên cứu của Võ (2011), nhưng kết này lại tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn (2017). Mặc dù khác nhau về phạm vi nghiên cứu - *bài nghiên cứu này nghiên cứu nguồn tham thoại 36 bài nhận định bóng đá TV và 36 bài nhận định bóng đá TA còn bài nghiên cứu của Nguyễn (2017) chỉ nghiên cứu nguồn tham thoại của 30 bài viết bằng TV về “Hồ sơ Panama”* - nhưng cả hai nghiên cứu đều có kết quả giống nhau đó là các tác giả bình luận tin về “Hồ sơ Panama” trong nghiên cứu của Nguyễn (2017) và tác giả nhận định bóng đá TV và TV trong nghiên cứu này đều sử dụng đa nguồn nhiều hơn đơn nguồn. Kết quả này cho thấy các tác giả luôn thể hiện quan điểm của mình đối với thông tin, sự việc và luôn tạo sự tương tác với độc giả. Tuy nhiên, trong kết quả nghiên cứu của Nguyễn (2017), nguồn mở rộng được ưu tiên sử dụng hơn đa nguồn hạn định trong việc bình luận tin bằng TV (với phần trăm tương ứng là 64,6% và 35,4%), còn theo nghiên cứu này thì không có sự chênh lệch đáng kể giữa số lượng các câu đa nguồn mở rộng và đa nguồn hạn định trong 2 nhận định TV và TA (46% và 54% trong các nhận định bằng TV; 52% và 48% trong các nhận định bằng TA). Điều này cho thấy người bình tin về “Hồ sơ Panama” bằng TV đã sử dụng nguồn ngôn liệu đánh giá từ các nguồn khác nhiều hơn so với các tác giả nhận định bóng đá TV và TA; và tác giả bình luận tin cũng tạo ra sự an toàn cho mình trong việc đưa tin và tạo cơ hội cho độc giả tự đánh giá thông tin, sự việc nhiều hơn so với tác giả nhận định bóng đá TV và TA.

6. Kết luận

Tóm lại, bằng việc thống kê, phân tích và đối chiếu nguồn tham thoại của 36 bài nhận định EURO 2020 TV và 36 bài TA và với số liệu thu được, chúng ta có thể kết luận việc sử dụng nguồn tham thoại trong các nhận định bằng TV và TA là tương đối giống nhau. Một điểm tương đồng đáng chú ý giữa các nhận định TV và TA là cả hai đều có tính tương tác cao với độc giả. Các tác giả vừa thể hiện sự tự đánh giá của bản thân vừa dựa vào nhiều nguồn thông tin khác để

đánh giá. Các tác giả cũng thỏa hiệp, khuyến khích và mời gọi độc giả tham gia đánh giá thông tin, sự việc. Tuy nhiên, ngoài những nét tương đồng, giữa nhận định EURO 2020 bằng TV và TA cũng có một số dị biệt trong việc sử dụng nguồn đánh giá tham thoại và một điểm dị biệt nổi bật đó là các tác giả nhận định TV có sử dụng câu hỏi tu từ để mời gọi độc giả đánh giá thông tin, sự việc và cho ý kiến trong khi các tác giả TA không sử dụng loại câu hỏi này.

Nghiên cứu “Đối chiếu bình diện đánh giá tham thoại trong các nhận định Euro 2020 bằng TV và TA” là một trong số ít những nghiên cứu hiện nay ở Việt Nam tập trung đối chiếu nguồn tham thoại văn bản nhận định TV và TA. Nghiên cứu của chúng tôi góp phần bổ sung thêm những chứng cứ khoa học về việc vận dụng khung Lí thuyết thẩm định của Martin và White (2005) vào việc đối chiếu các nguồn tham thoại bằng TV và TA. Từ việc mô tả và đối chiếu này chúng ta có thể vận dụng vào việc giảng dạy và rèn luyện cho người học TA cách viết một nhận định bằng TA hiệu quả để đáp ứng kỳ vọng của độc giả TA.

Tài liệu tham khảo

Ballesteros-Lintao, R. (2018). Investigating the evaluative language in Philippine & Chinese news reports on the South China Sea disputes. *Advances in Language & Literary Studies*, 9(6), 66-67.

Keramati, S.R., Kuhl, D., & Saeidi, M. (2019). Cross-sectional diachronic corpus analysis of stance and engagement markers in three leading journals of applied linguistics. *Journal of Modern Research in English Studies*, 6(2), 1-25.

Lam, S.L., & Crosthwaite, P. (2018). Appraisal resources in L1 & L2 argumentative essay: A contrastive learner corpus-informed study evaluative stance. *Journal of Corpora and Discourse Studies*, 1(1), 8-35.

Martin, J.R., & White, P.P.R. (2005). *The language of evaluation: Appraisal in English*. London/New York: Palgrave/Macmillan.

Nguyễn Ngọc Bảo (2019). *Đối chiếu nguồn ngôn ngữ đánh giá tình cảm nhân vật chính trong truyện ngắn tiếng Anh và tiếng Việt*. Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học So sánh Đối chiếu. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Nguyễn Thu Hiền (2017). Phương thức giao tiếp với độc giả của các bài bình luận báo chí về “Hồ sơ Panama” từ góc nhìn của thuyết đánh giá. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 33(1), 31-37.

Trần Văn Phước (2019). Sự lựa chọn ngôn ngữ đánh giá tình cảm trong một số truyện ngắn Việt Nam. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 9(289), 3-15.

Trần Văn Phước và cộng sự (2019). *Vận dụng lí thuyết đánh giá phân tích đặc điểm ngôn ngữ biểu hiện sự đánh giá trong một số thể loại diễn ngôn bằng tiếng Anh và tiếng Việt*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp bộ, Đại học Huế.

Trương Lê Bích Trang & Võ Nguyễn Thùy Trang (2020). Phạm trù thang độ trong ngôn ngữ bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đà Nẵng*, 18(2), 42-47.

Vo, D.D. (2011). *Style, structure and ideology in English and Vietnamese business hard news reporting – a comparative study*. Thesis of Doctor of Philosophy in Linguistics at Faculty of Social Sciences and Humanities. University of Adelaide.

A COMPARATIVE STUDY OF STANCE AND ENGAGEMENT IN EURO 2020 FOOTBALL PREDICTIONS IN VIETNAMESE AND ENGLISH

Abstract: The research based on the Appraisal Theory by Martin and White (2005) describes and contrasts the authors' stance and engagement with the potential readers of 36 EURO 2020 football predictions in Vietnamese and English. The findings show that the percentage of Heterogloss in Vietnamese and in English is 59% and 61,7% respectively. This result has proved a rather high level of communication between the writers and their potential readers. Regarding the use of the evaluative language, the authors of football predictions in English use rhetorical questions to offer opportunities for readers to assess the information while the authors of English football predictions do not. In addition to the similarities and peculiarities just mentioned, between the two types of football identification documents in English and Vietnamese, there are similarities and differences, which are discussed in this article.

Key words: The Appraisal Theory, engagement, monoglossic, hereoglossic (contraction/expansion), football predictions